

刑 事 聲 請 補 發 書 類 狀
ĐƠN XIN CẤP BÙ CÁC LOẠI VĂN BẢN
HÌNH SỰ

案號 Mã án	年度 Số	字第 chữ	號 năm	承辦股別 Phòng ban đảm nhiệm	
訴訟標的 金額或價額 Giá hoặc số tiền mục tiêu tố tụng	新台幣 元 Đồng Tân Đài Tệ				
稱謂 Danh xưng	姓名或名稱 Họ tên hoặc tên gọi	依序填寫：國民身分證號碼或營利事業統一編號、性別、出生年月日、職業、住居所、就業處所、公務所、事務所或營業所、郵遞區號、電話、傳真、電子郵件位址、指定送達代收人及其送達處所。 Điền theo thứ tự: số chứng minh thư hoặc mã số thống nhất đăng ký kinh doanh, giới tính, ngày tháng năm sinh, nghề nghiệp, nơi ở, nơi làm việc, văn phòng công vụ, văn phòng làm việc hoặc văn phòng kinh doanh, mã bưu chính, điện thoại, fax, địa chỉ email, chỉ định người nhận tổng đạt thay và nơi tổng đạt của họ.			
聲請人 (即被告)	身分證字號 (或營利事業統一編號) :				

(即告訴人) Người xin (là bị cáo) (là người kiện)		Số chứng minh thư (hoặc mã số thống nhất đăng ký kinh doanh): 出生年月日： Ngày tháng năm sinh: 戶籍地： Địa chỉ hộ khẩu: 住所地： Nơi ở： 聯絡電話： Điện thoại liên hệ: 電子郵件位址： Địa chỉ email: 送達代收人： Người nhận tổng đạt thay: 送達處所： Nơi tổng đạt:
---	--	---

為聲請補發書類一事：

Về việc xin cấp bù loại văn bản:

鈞署 年度 字第 號聲請人告訴涉嫌
 Vụ án số chữ năm tại quý Sở có liên quan đến việc kiện tụng của người xin,

一案，業經 年 月 日起訴/簡易判決處刑/緩起訴/不
 đã xác định trong hồ sơ khởi tố/ xử phạt theo phán quyết đơn giản/ hoãn khởi kiện/

起訴確定在案。茲因需用，聲請准補發該案起訴書/簡易判決處
 không khởi kiện ngày tháng năm , xin phê chuẩn cấp bù bản đơn khởi kiện/
 văn bản xử phạt theo phán quyết đơn giản/

刑書/緩起訴處分書/不起訴處分書 書類 份。
 văn bản giải quyết hoãn khởi kiện/ văn bản giải quyết không khởi kiện

謹 狀 Kính đơn	
臺灣橋頭地方檢察署 公鑒 Sở kiểm sát địa phương Kiêu Đầu Đài Loan Công giám	
證據名稱 及件數 Tên bằng chứng và số lượng	
中華民國 年 月 日 Trung Hoa Dân Quốc ngày tháng năm	
	具狀人 Người đệ đơn 撰狀人 Người làm đơn
	簽名蓋章 Ký tên đóng dấu 簽名蓋章 Ký tên đóng dấu